

Số: 2938 /BDVN-VP

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2019

PHỤ LỤC V

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Năm báo cáo 2019

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm (2016-2018).

- Tổng doanh thu hợp nhất Bưu điện Việt Nam giai đoạn 3 năm (2016-2018) đạt 49.833 tỷ đồng, đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân 30%/ năm.

- Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế Bưu điện Việt Nam giai đoạn 3 năm (2016-2018) đạt 811 tỷ đồng, đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân 44,2%/ năm.

- Nộp ngân sách nhà nước Bưu điện Việt Nam giai đoạn 3 năm (2016-2018) 1.937 tỷ đồng, đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân 23,6%/ năm.

- Sản lượng Dịch vụ Bưu chính công ích giai đoạn 3 năm (2016-2018) đạt: 311,8 triệu cái, suy giảm bình quân 14,7%/ năm.

- Sản lượng công ích trong hoạt động phát hành báo chí giai đoạn 3 năm (2016-2018) đạt: 530,89 triệu tờ/cuốn, tăng trưởng bình quân 3%/ năm.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước.

- Trong giai đoạn 2016-2018 Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam đã tập trung đẩy mạnh đầu tư phát triển cho năng lực mạng lưới và dịch vụ Bưu chính nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ Bưu chính đáp ứng yêu cầu phục vụ Bưu chính công ích cũng như nhu cầu của xã hội.

- Các chương trình/lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý quy hoạch, hệ thống mạng bưu chính đã được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên tập trung đầu tư các dự án trọng điểm nhằm phát triển các dịch vụ có hiệu quả cao.

- Các dự án đầu tư được kiểm soát chặt chẽ (từ khâu lập chủ trương đầu tư) đảm bảo đáp ứng đúng yêu cầu về quy hoạch mạng lưới và định hướng phát triển của Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam.

- Trong giai đoạn 2016-2018 Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam đã thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm gồm:

Dự án đầu tư phương tiện vận chuyển năm 2016, 2018.

+ Các dự án đầu tư xây dựng Trung tâm khai thác chia chọn tại khu vực phía Bắc (tại Hà Nội); Phía Nam (thành phố Hồ Chí Minh); Miền Trung (tại Đà Nẵng), khu vực Bắc Miền trung (tại Nghệ An); Khu vực Đông Bắc Bộ (tại Hải Phòng).

+ Dự án cải tạo sửa chữa Văn phòng Tổng công ty (tại số 5 Phạm Hùng).

+ Dự án Trung tâm Bưu chính Liên tỉnh và Quốc tế khu vực III (tại TP Đà Nẵng).

+ Dự án Trung tâm khai thác chia chọn và nút mạng Viễn thông Liên tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (tại Cần Thơ).

+ Chương trình cải tạo nâng cấp Bưu cục 1,2,3 trên toàn mạng lưới của Tổng công ty.

Chương trình “Đầu tư mở rộng mạng lưới bưu cục, điểm phục vụ”.

- Kế hoạch đầu tư các dự án trọng điểm năm 2019 của Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam:

Trong năm 2018 Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam tiếp tục đầu tư các dự án chưa hoàn thành trong giai đoạn 2016-2018 và đầu tư một số dự án mới, cụ thể như sau:

- Dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất cho Trung tâm khai thác vận chuyển khu vực phía Nam TP HCM”.

+ Dự án đầu tư phương tiện vận chuyển Bưu chính năm 2019.

Các dự án đầu tư của Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam đều được chú trọng triển khai theo tiến độ để đáp ứng định hướng phát triển của Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm.

- Thực hiện các quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức hoạt động theo mô hình mới, công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty từ cấp Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc và các cấp quản lý tại đơn vị đã đi vào nề nếp, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đồng thời tạo sự chủ động, linh hoạt, đáp ứng kịp thời yêu cầu tổ chức sản xuất trên toàn mạng lưới.

- Triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu Bưu điện Việt Nam tại hệ thống điểm giao dịch, các hoạt động truyền thông thương hiệu được tiến hành rộng rãi trên toàn mạng lưới của Bưu điện Việt Nam.

- Đưa vào vận hành tuyến đường thư (vận tải đường bộ và toa xe đường sắt chuyên dụng) trục Bắc-Nam nhằm tăng cường năng lực vận chuyển trục Bắc-Nam và nâng cao chất lượng phục vụ.

- Tổ chức rà soát, hợp lý hóa mạng lưới, triển khai mô hình bưu cục phát trên mạng lưới để nâng cao chất lượng phục vụ.

- Đổi mới hoạt động tại các điểm BĐ-VHX, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ cung cấp và nâng cao thu nhập cho người lao động tại các điểm BĐ-VHX.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình SXKD của doanh nghiệp.

Các khó khăn, thách thức chủ yếu:

- Phát triển các dịch vụ logistics có hàm lượng công nghệ cao: Trong giai đoạn vừa qua các dịch vụ logistics chủ yếu là các dịch vụ vận chuyển mà chưa gồm các dịch vụ logistics hiện đại khác như quản lý chuỗi cung ứng, quản lý kho bãi, hoàn tất đơn hàng. Đây là các dịch vụ có khả năng thu lợi nhuận cao hơn và bắt kịp công nghệ nhanh hơn. Tuy vậy, các dịch vụ này đòi hỏi cần có sự chuẩn bị, đầu tư lớn về hạ tầng mạng lưới, công nghệ thông tin nên Tổng công ty chưa kịp thời đáp ứng trong ngắn hạn.

- Mô hình bán lẻ hiện đại: Các mô hình bán lẻ hiện đại như cửa hàng tiện lợi đang dần trở thành xu thế tại các đô thị, tuy nhiên Tổng công ty chưa thể tận dụng được hệ thống các điểm phục vụ trên địa bàn các thành phố lớn để tiến hành cung cấp các dịch vụ bán lẻ.

- Quản trị doanh nghiệp:

+ Tổng công ty chưa hoàn thiện các chiến lược thành phần (phát triển nguồn nhân lực, phát triển CNTT) dẫn đến các lĩnh vực này chưa có hướng triển khai rõ ràng, cụ thể trong dài hạn.

+ Quy hoạch dịch vụ đã được điều chỉnh nhưng chưa tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy trình dịch vụ, xác định lại đơn giá từng công đoạn.

- Công tác kiện toàn bộ máy, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ:

+ Cán bộ đầu đàn về các lĩnh vực quản lý, kinh doanh còn thiếu nên việc triển khai những công việc lớn gặp nhiều khó khăn.

+ Đội ngũ CBCNV chưa được đào tạo bài bản để tiếp cận nhanh các dịch vụ mới.

- Công tác sắp xếp lao động:

+ Việc sắp xếp lao động đôi chỗ còn chưa phù hợp, vẫn còn hiện tượng kiêm nhiệm dẫn tới mất cân đối, quá tải trong một số công đoạn.

+ Năng suất lao động chưa cao do chưa hợp lý hóa, đổi mới quy trình nghiệp vụ.

- Ứng dụng công nghệ, sản phẩm dịch vụ hiện đại:

+ Hệ thống CNTT quản trị doanh nghiệp, quản lý và chăm sóc khách hàng chưa được hoàn thiện dẫn đến chậm ra quyết định, chậm giải quyết vướng mắc trong hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh.

+ Thời gian cung ứng dịch vụ và xử lý vướng mắc còn dài do chưa ứng dụng bài bản công nghệ vào quy trình nghiệp vụ.

Thuận lợi chủ yếu:

Thời gian qua, Tổng công ty đã từng bước cụ thể hóa các nội dung định hướng từ Chiến lược phát triển 2011-2020 và tận dụng một số xu hướng phát triển của công nghệ, thương mại toàn cầu:

- Cùng với sự phát triển của loại hình thương mại hiện đại mà tiêu biểu là TMĐT, Tổng công ty đã chuyển hướng thích ứng hạ tầng mạng lưới, cơ chế dịch vụ phù hợp với việc cung cấp giải pháp toàn diện hỗ trợ cho TMĐT. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã tham gia tổ chức các mô hình bán lẻ TMĐT như ra mắt Sàn điện tử kinh doanh đặc sản vùng miền (BADASA), trang điện tử bán xuất bản phẩm, quà tặng...

- Với sự sụt giảm của các dịch vụ bưu chính truyền thống, các doanh nghiệp bưu chính dần chuyển hướng cung cấp các dịch vụ logistics với hàm lượng công nghệ và tính chuyên nghiệp cao hơn. Tổng công ty đã xây dựng Định hướng phát triển dịch vụ logistics dài hạn để tiến hành cung cấp các dịch vụ logistics chuyên biệt một cách bài bản.

- Nắm bắt công nghệ hiện đại là yếu tố tạo nên thành công, Tổng công ty cũng chú trọng đầu tư hạ tầng CNTT, hạ tầng kho bãi, trung tâm khai thác và công cụ dụng cụ hiện đại để nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo đón đầu Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Với định hướng nâng cao hiệu quả hoạt động hành chính công của Nhà nước, việc hợp tác với các doanh nghiệp nhằm cung cấp các dịch vụ tiện lợi cho công dân khi tham gia các quan hệ với chính quyền, cơ quan Nhà nước được đặt lên hàng đầu. Nhận thấy năng lực mạng lưới, khả năng tiếp cận tới mọi người dân của mình, Tổng công ty đã tích cực tham gia cung cấp các dịch vụ hành chính công như: Chuyển phát giấy tờ, Chi hộ bảo hiểm xã hội, Thu hộ nộp phạt vi phạm giao thông...

- Tổng công ty được Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ làm việc với các Bộ, ban ngành và chính quyền địa phương liên quan để triển khai các nhiệm vụ chính trị của Tổng công ty, mở rộng cung cấp các dịch vụ hành chính công, phát triển các dịch vụ mới.

- Với vị thế ngày càng nâng cao của Việt Nam trong khu vực cũng như trên thế giới, tình hình kinh tế, chính trị ổn định của đất nước và sự hỗ trợ của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổng công ty đã không ngừng thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm quản lý, hiện đại hóa hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

e) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

Đến năm 2020, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của Tổng công ty như sau:

- Doanh thu hợp nhất đến năm 2020 đạt 26.910 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu mảng dịch vụ Bưu chính năm 2020 đạt 11.000 tỷ đồng; Tài chính bưu chính năm 2020 đạt 6.030 tỷ đồng; Phân phối truyền thông năm 2020 đạt 9.800 tỷ đồng.

- Tổng lợi nhuận năm 2020 đạt 630 tỷ đồng.

- Năng suất lao động đến năm 2020 đạt 163 triệu đồng/người/năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tại công ty mẹ đến năm 2020 đạt 6,6%.

Phát huy sức mạnh từ mạng lưới rộng và dịch vụ đa dạng, Tổng công ty tiếp tục phát triển kinh doanh trên ba lĩnh vực trụ cột, cụ thể:

- Tiếp tục đảm bảo nhiệm vụ công ích song hành với việc phát triển các dịch vụ chuyên biệt phục vụ đối tượng khách hàng lớn, khách hàng doanh nghiệp và các cơ quan tổ chức.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác uy tín phát triển kinh doanh trên quy mô lớn nhằm tận dụng lợi thế mạng lưới.

- Tiếp tục đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ hành chính công nhằm khai thác hiệu quả mạng bưu chính công cộng.

- Đảm bảo tính gắn kết chặt chẽ, tương hỗ lẫn nhau giữa các mảng kinh doanh nhằm tạo hiệu quả phát triển tổng thể.

- Đẩy mạnh phát triển kinh doanh trên hệ thống điểm bưu điện-văn hóa xã.

Định hướng phát triển 3 lĩnh vực kinh doanh trụ cột như sau:

* Bưu chính:

- Tiếp tục duy trì hiệu quả mạng bưu chính công cộng, cung cấp dịch vụ bưu chính công ích theo qui định của nhà nước.

- Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ kinh doanh, chú trọng các dịch vụ chuyên phát chất lượng cao và các dịch vụ quốc tế; trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung ứng giải pháp logistics cho hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

- Mở rộng cung cấp dịch vụ hành chính công, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại Việt Nam.

* Tài chính bưu chính:

- Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ thu chi tài chính công của nhà nước.

- Mở rộng quy mô, thị phần các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm vi mô phục vụ cho khách hàng cá nhân, hộ gia đình có thu nhập trung bình trên cơ sở phát triển dịch vụ mới, hợp tác với các đối tác chiến lược.

- Phát triển các dịch vụ tài chính, thanh toán trên nền tảng công nghệ hiện đại

* Phân phối Truyền thông:

- Mở rộng mạng lưới phân phối, bán lẻ hàng hoá, dịch vụ rộng khắp kết hợp với mô hình bán hàng trực tuyến tập trung vào các sản phẩm, dịch vụ VT-CNTT, xuất bản phẩm, hàng hoá tiêu dùng.

- Phát triển dịch vụ truyền thông quảng cáo, tận dụng lợi thế vị trí và hệ thống điểm giao dịch rộng khắp.

BIỂU SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019
1	Sản lượng công ích					
a)	- Sản lượng dịch vụ Bưu chính công ích, trong đó:	cái	121.516.800	101.889.000	88.388.000	76.223.000
	Thư cơ bản trong nước	cái	117.236.340	98.199.000	86.103.000	74.497.000
	Thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước	cái	2.026.640	2.237.000	1.404.000	1.033.000
	Thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam	cái	2.254.230	1.454.000	881.000	693.000
b)	- Sản lượng công ích trong hoạt động phát hành báo chí, trong đó:	tờ/cuốn	172.054.667	176.440.000	182.393.000	177.635.000
	Báo Nhân dân	tờ/cuốn	59.982.695	57.467.000	58.059.000	65.077.000
	Báo Quân đội Nhân dân	tờ/cuốn	14.528.949	13.625.000	13.592.000	15.091.000
	Báo của Đảng bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	tờ/cuốn	95.907.314	103.187.000	108.771.000	95.807.000
	Tạp chí Cộng sản	tờ/cuốn	1.635.709	2.161.000	1.971.000	1.660.000
2	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	12.374	16.559	20.900	25.680
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Tỷ đồng	167	296	348	441
4	Nộp ngân sách Bưu điện Việt Nam *	Tỷ đồng	536	582	819	833
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	0	0	0	0
6	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	650	736	720	1.170
a)	- Nguồn ngân sách	“	Không			
b)	- Vốn vay	“				
c)	- Vốn khác (vốn điều lệ + khấu hao cơ bản)	“	650,00	736,48	720,00	1.170,00
7	Tổng lao động	Người	21.328	22.395	22.695	27.350
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	2.362,41	2.995,90	3.075,54	3.719,65
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	5,41	5,90	5,33	6,66
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	2.357,00	2.990,00	3.070,20	3.712,98

* Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.

* Chỉ tiêu 6,7,8: Số liệu Công ty mẹ Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con

a) Danh sách các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ.

Công ty TNHH một thành viên Tem Bưu chính

Công ty TNHH một thành viên In tem Bưu Điện

Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu Điện

Công ty cổ phần Du lịch Bưu Điện

Công ty cổ phần Truyền thông và Quảng cáo Bưu chính

b) Tình hình đầu tư vốn vào các công ty này năm 2018.

Năm 2018 Bộ TTTT đã đồng ý phương án đầu tư tăng vốn điều lệ của Công ty In Tem, theo đó, VNPost quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV In Tem Bưu điện lên 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn) trong đó vốn đầu tư mới của chủ sở hữu 36.891.323.816 đồng được trích từ nguồn vốn điều lệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (đã thực hiện chuyển tiền).

c) Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này năm 2018.

1. Công ty TNHH một thành viên Tem Bưu chính:

- Tổng doanh thu phát sinh của Công ty là 30,8 tỷ đồng, bằng 100,3% so với kế hoạch giao và tăng 33,3% so với năm 2017.

- Tổng chi phí là 29,1 tỷ đồng, tăng 37,9% so với thực hiện năm 2017.

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 1,66 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 1,31 tỷ đồng, bằng 100,3% so với kế hoạch VNPost giao và bằng 84,4% so với thực hiện năm 2017 (kết quả lợi nhuận năm 2017 được điều chỉnh tăng theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước). Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 7,17% (kế hoạch giao là 7,15%).

2. Công ty TNHH một thành viên In tem Bưu Điện:

- Tổng doanh thu năm 2018 là 115,5 tỷ đồng đạt 107,9% so với kế hoạch VNPost giao, tăng 13,5% so với thực hiện năm 2017.

- Tổng chi phí là 106,7 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện năm 2017.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 8,76 tỷ đồng, tăng 2,26 tỷ đồng so với năm 2017, lợi nhuận sau thuế là 6,93 tỷ đồng, bằng 118,3% kế hoạch Tổng công ty giao. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 13,85% (Kế hoạch giao là 11,7%).

- Trong năm 2018, VNPost với vai trò là chủ sở hữu đã ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty In Tem Bưu điện và đã xử lý khoản nợ khó đòi phát sinh từ năm 2005-2006 (theo thẩm quyền) nhằm lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty. VNPost cũng hỗ trợ Công ty trong việc tiếp cận khách hàng lớn với mục tiêu tăng trưởng doanh thu cho Công ty.

3. Công ty cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu Điện:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 1.516,6 tỷ đồng, tăng 22% so với thực hiện năm 2017 và đạt 93% so với kế hoạch VNPost giao. Trong đó doanh thu dịch vụ chuyển phát nhanh là 1.471 tỷ đồng chiếm 97% tổng doanh thu và tăng 22% so với

năm 2017, doanh thu làm đại lý cho các hãng là 37,4 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,46% tổng doanh thu và tăng 44% so với năm 2017.

- Tổng chi phí năm 2018 là 1.458,8 tỷ đồng, tăng 23,6% so với thực hiện năm 2017.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 57,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 45,8 tỷ đồng, bằng 101% so với kế hoạch VNPost giao.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu năm 2018 là 28,63%.

4. Công ty cổ phần Du lịch Bưu Điện:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 61,5 tỷ đồng, bằng 79,5% so với thực hiện năm 2017 và đạt 80% so với kế hoạch VNPost giao. Trong đó doanh thu dịch vụ lữ hành, vận chuyển, khách sạn, tổ chức hội nghị là 52,6 tỷ đồng, chiếm 85,5% tổng doanh thu.

- Tổng chi phí năm 2018 là 58 tỷ đồng, bằng 81% so với thực hiện năm 2017.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 3,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 2,7 tỷ đồng, bằng 53,7% so với năm 2017 và đạt 91,2% kế hoạch lợi nhuận VNPost giao.

- Tỷ lệ cổ tức 2017 chi trả cho các cổ đông là 4%.

5. Công ty cổ phần Truyền thông và Quảng cáo Bưu chính:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 46,738 tỷ đồng, bằng 97,76% so với thực hiện năm 2017 và bằng 78% so với kế hoạch VNPost giao, trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 46,5 tỷ đồng.

- Tổng chi phí năm 2018 là 46,727 tỷ đồng, bằng 98,2% so với thực hiện năm 2017.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 11 triệu đồng, bằng 5,2% so với thực hiện năm 2017 và bằng 2,1% so với kế hoạch 2018.

- Đến thời điểm 31/12/2018, lỗ lũy kế của công ty là -2,374 tỷ đồng.

BIỂU SỐ 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Ước thực hiện năm 2019		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)												
	Công ty TNHH một thành viên Tem Bru chính	18,3	100,0%	18,3	18,3	100,0%	18,3	18,3	100,0%	18,3	18,3	100,0%	18,3
	Công ty TNHH một thành viên In tem Bru Điện	11,3	100,0%	11,3	11,3	100,0%	11,3	50,0	100,0%	50,0	50,0	100,0%	50,0
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)												
	Công ty cổ phần Chuyên phát nhanh Bru Điện	91,6	84,1%	77,1	91,6	84,1%	77,1	91,6	84,1%	77,1	91,6	84,1%	77,1
	Công ty cổ phần Du lịch Bru Điện	97,5	90,2%	88,0	97,5	90,2%	88,0	97,5	90,2%	88,0	97,5	90,2%	88,0
	Công ty cổ phần Truyền thông và Quảng cáo Bru chính	22,0	54,4%	12,0	22,0	54,4%	12,0	22,0	54,4%	12,0	22,0	54,4%	12,0

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Ước thực hiện năm 2019		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
3	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần (cấp 2)												
	Công ty TNHH hai thành viên Chuyển phát nhanh DHL-VNPT	91,3	49,0%	44,6	91,3	49,0%	44,6	91,3	49,0%	44,6	91,3	49,0%	44,6
	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	804,0	22,7%	196,9	804,0	22,7%	196,9	804,0	22,7%	196,9	804,0	22,7%	196,9
	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt	6.460,0	12,5%	810,0	6.460,0	12,5%	810,0	7.500,0	11,45%	810,0	7.500,0	11,45%	810,0
	Công ty cổ phần công nghệ công nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT TECH)	287,0	0,5%	1,4	287,0	0,5%	1,4	287,0	0,5%	1,4	287,0	0,5%	1,4

